TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2020/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 17 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 168/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1997

STQ: Bản S, xã Q, huyện M, tỉnh S.

ĐKTT: thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Anh T, sinh năm 1993.

STQ: Bản S, xã Q, huyện M, tỉnh S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đ, sinh ngày 22/6/2015

STQ: Bản S, xã Q, huyện M, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ: Anh T – là bố đẻ của cháu.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị H và anh T.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tình cảm vợ chồng:** Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

*** Về con chung:** Chấp nhận sự thoả thuận của chị H, anh T giao cháu Đ, sinh ngày 22/6/2015 cho anh T tiếp tục nuôi d□ỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Sau khi ly hôn chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung của vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức:** Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh T không đề nghị Toà án đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí:** Chấp nhận sự tự nguyện của chị H xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0000328 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, trả lại chị H số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đ- ơng sự;*
- *VKS huyện V;*
- *UBND xã Q;*
- *L- u HS.*

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười